

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDC

TÊN MÔN HỌC: ĐỒ ÁN THIẾT KẾ MĐ & ĐG PHƯƠNG
M? MÔN H ỌC : CIE-414

HỌC KỲ 5
TÍN CHỈ 1
LẦN THI 1

Ngày thi: 20/12/2012

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
1	152220373	ĐÀO THIÊN	KHÁNH	T16XDC	3		3						V	0.0	Khăng		
2	168212005	LÊ Y	H ỌC	T16XDC	6		4						V	0.0	Khăng		
3	168212048	ĐẶNG XUÂN	THU	T16XDC	10		6.5						V	0.0	Khăng		
4	168222064	TRẦN VĂN	ANH	T16XDC	2		2						V	0.0	Khăng		
5	168222066	HỒ TRẦN ANH	B ẢO	T16XDC	2		2						V	0.0	Khăng		
6	168222067	NGUYỄN PHÚ	CH ẬU	T16XDC	0		2						V	0.0	Khăng		
7	168222068	B ỒI ĐỨC	CHU	T16XDC	3		2.5						V	0.0	Khăng		
8	168222070	PHAN Đ?NH	C ÔNG	T16XDC	2		2						V	0.0	Khăng		
9	168222072	LÊ PHƯỚC	Đ ẠT	T16XDC	2		2						V	0.0	Khăng		
10	168222073	TRẦN Đ?NH	Đ ỨC	T16XDC	2		2						V	0.0	Khăng		
11	168222074	TRẦN CÔNG	Đ ỨC	T16XDC	4.5		3.5						V	0.0	Khăng		
12	168222075	TRẦN XUÂN	Đ ỨC	T16XDC	4.5		3						V	0.0	Khăng		
13	168222076	TRẦN NHẬT	GIANG	T16XDC	2		2.5						V	0.0	Khăng		
14	168222079	B ỒI HỮU NHẬT	H ẠNH	T16XDC	2.5		3						V	0.0	Khăng		
15	168222080	MAI VĂN	H IỆU	T16XDC	10		8						V	6.1	Sau phap Mau		
16	168222081	NGUYỄN VĂN	H Ạ	T16XDC	9		6.5						V	0.0	Khăng		
17	168222082	NGUYỄN CẢNH	H ỒÀN	T16XDC	2		2						V	0.0	Khăng		
18	168222084	LÊ MINH	H ỨNG	T16XDC	3.5		3						V	0.0	Khăng		
19	168222085	NGUYỄN THANH	KHA	T16XDC	2		2						V	0.0	Khăng		
20	168222087	TRẦN ĐẶNG	KHOA	T16XDC	9		5.5						V	5.2	Nam phap Hai		
21	168222088	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	T16XDC	6		3.5						V	0.0	Khăng		
22	168222089	MAI HUỶNH TÂN	L ẬM	T16XDC	4.5		4						V	0.0	Khăng		
23	168222090	NGUYỄN QUANG	LIÊN	T16XDC	0		0						V	0.0	Khăng		
24	168222092	THÁI BÁ	LINH	T16XDC	9.5		5.5						V	0.0	Khăng		
25	168222096	THÁI VĂN	L ƯỢNG	T16XDC	6		4						V	0.0	Khăng		
26	168222097	V Ữ VĂN	M ẶN	T16XDC	9		6						V	5.6	Nam phap Sau		
27	168222098	NGUYỄN VĨNH	NAM	T16XDC	10		7						V	0.0	Khăng		
28	168222099	D ƯƠNG XUÂN	NGHIÊM	T16XDC	9		6						V	0.0	Khăng		
29	168222102	LÊ ĐỨC	PHÚ	T16XDC	10		5.5						V	5.6	Nam phap Sau		
30	168222107	TRẦN Đ?NH	S ƠN	T16XDC	3		2						V	0.0	Khăng		
31	168222108	LÊ	S Ự	T16XDC	10		8						V	7.2	Bay phap Hai		
32	168222109	TRẦN QUỐC	S Ỹ	T16XDC	9		6						V	6.7	Sau phap Bay		
33	168222110	ĐINH XUÂN	T ẬM	T16XDC	5		4						V	0.0	Khăng		
34	168222111	PHẠM HỮU	THÀNH	T16XDC	3		2						HP	0.0	Khăng		
35	168222116	NGUYỄN HOÀNG	THUYỀN	T16XDC	4		2						V	0.0	Khăng		
36	168222117	NGUYỄN VĂN	TIÊN	T16XDC	3		2						V	0.0	Khăng		
37	168222119	NGUYỄN QUANG	TRUNG	T16XDC	5		4						V	0.0	Khăng		
38	168222121	NGUYỄN TÂN	TRƯỜNG	T16XDC	6		4						V	0.0	Khăng		
39	168222122	TRẦN Đ?NH	TRƯỜNG	T16XDC	6		4						V	0.0	Khăng		
40	168222123	ĐOÀN Đ?NH	T Ử	T16XDC	9		6						V	5.6	Nam phap Sau		

41	168222124	MAI PHƯỚC	TỰ	T16XDC	8	5					3	0.0	Khăng	
42	168222126	NGUYỄN VĂN	TUÂN	T16XDC	2	1					V	0.0	Khăng	
43	168222127	TRẦN TRỌNG	TUÔNG	T16XDC	2	1					V	0.0	Khăng	
44	168222128	HỒ PHƯỚC	VIỆT	T16XDC	6	4					V	0.0	Khăng	
45	168222131	LÊ CÔNG	VŨ	T16XDC	6	4					V	0.0	Khăng	
46	168222132	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	T16XDC	5	3					V	0.0	Khăng	
1	0444	ĐÀO HUY	TÍN	K13XDC	6.5	4					2	0.0	Khăng	
2	1813	ĐOÀN NGUYỄN THẠNH	LÂM	K13XDC	4	3					5	4.3	Bất pháp Ba	
3	4705	LÊ VĂN	B?O	K13XDC	4	3					V	0.0	Khăng	
4	4715	QUÁCH SỸ	DƯƠNG	K13XDC	8	6					5.5	6.0	Sâu	
5	4725	THÁI PHI	HOÀNG	K13XDC	6.5	6					4.5	5.3	Nằm pháp Ba	
6	4727	HÀ HUY	HÙNG	K13XDC	3	2					V	0.0	Khăng	
7	4741	TRẦN HÀ HẢI	NAM	K13XDC	4	4					4	4.0	Bất	
8	4747	TÔN THẮT	PHÁT	K13XDC	8	5.5					4	5.1	Nằm pháp Mất	
9	4765	LÊ VĂN	TUÂN	K13XDC	3	2					V	0.0	Khăng	
10	1349	LÊ HOÀNG	LONG	K14XDC	6	4					V	0.0	Khăng	
11	0320	TRẦN MINH	PHONG	T13XDC	5	5					V	0.0	Khăng	
12	0333	NGUYỄN MINH	QUYÊN	T14XDC	6	5					V	0.0	Khăng	
13	0347	NGUYỄN VĂN	TRÍ	T14XDC	5	4					3	0.0	Khăng	
14	0192	NGUYỄN ÁT	SỬU	T15XDC	5	4					V	0.0	Khăng	
15	0332	LÊ HỒNG	PHONG	T15XDC	5	5					V	0.0	Khăng	
16	0366	TRẦN VĂN	SƠN	T15XDC	6	4					V	0.0	Khăng	
17	0370	NGUYỄN TẤN	CƯỜNG	T15XDC	6	4					2	0.0	Khăng	
18	0387	TRẦN QUỐC	VƯƠNG	T15XDC	6	4					3	0.0	Khăng	
19	1975	BÙI ĐỨC	THUẬN	T15XDCB	5	4					3	0.0	Khăng	
20	4782	LÊ TRIỆU	DŨNG	K13XDC	8	5					1	0.0	Khăng	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	12	18%	
2	Số sinh viên nợ	54	82%	
TỔNG CỘNG :		66	100%	

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 01 năm 2013
PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(k? và ghi r? họ tên)

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(k? và ghi r? họ tên)

L?NH ĐẠO KHOA
(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú